

**BÁO CÁO**

**Tình hình giao dự toán thu NSNN, chi NSDP;  
Công khai NSNN năm 2017 và đánh giá định mức phân bổ, phân cấp  
nguồn thu, nhiệm vụ chi trên địa bàn các huyện, TX, TP**

Thực hiện Thông tư số 326/2017/TT-BTC ngày 23/12/2016 của Bộ Tài chính về việc Quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2017; Quyết định số 4763/2016/QĐ-UBND ngày 9/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2017 của tỉnh Thanh Hóa;

Thực hiện Công văn số 572/STC-NSHX ngày 21/02/2017 của Sở Tài chính về việc báo cáo tình hình giao dự toán thu NSNN, chi NSDP; công khai NSNN năm 2017;

UBND thị xã Bỉm Sơn báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu NSNN-chi NSDP và công khai dự toán 2017 với nội dung cụ thể như sau:

**1. Về giao dự toán thu NSNN, chi NSDP năm 2017:**

**1.1. Về hồ sơ và thời gian giao dự toán thu NSNN, thu chi NSDP:**

Thực hiện Quyết định số 4763/2016/QĐ-UBND ngày 9/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2017 của tỉnh Thanh Hóa. Hội đồng nhân dân, UBND thị xã Bỉm Sơn đã ban hành các văn bản sau để giao dự toán thu, chi ngân sách trên địa bàn thị xã:

- Tờ trình số 2651/TTr-UBND ngày 20 /12/2016 của UBND Thị xã về việc đề nghị phê chuẩn dự toán thu Ngân sách nhà nước, chi Ngân sách địa phương và phương án phân bổ Ngân sách cấp Thị xã năm 2017;

- Tờ trình số 2650/TTr-UBND ngày 20 /12/2016 của UBND Thị xã về việc đề nghị phê chuẩn kế hoạch đầu tư công năm 2017;

- Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 29/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thị xã khóa XI, kỳ họp thứ 2 về phê chuẩn dự toán thu Ngân sách nhà nước, chi Ngân sách địa phương và phương án phân bổ Ngân sách cấp Thị xã năm 2017;

- Nghị quyết số 19/2016/NQ-HĐND ngày 29/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thị xã khóa XI, kỳ họp thứ 2 về phê chuẩn Kế hoạch đầu tư công năm 2017;

- Quyết định số 6159/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND thị xã về việc giao dự toán thu Ngân sách nhà nước, chi Ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp Thị xã năm 2017;

- Quyết định số 6160/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND thị xã về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2017;

- Quyết định số 6161/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND Thị xã về việc phê duyệt kế hoạch chi tiết cho các dự án từ nguồn vốn đầu tư phát triển thị xã năm 2017.

- Thông báo số 60/TB-TCKH ngày 30/12/2016 của Phòng Tài chính-KH về việc thông báo dự toán thu NSNN, chi NSDP năm 2017;

- Thông báo số 61/TB-TCKH ngày 30/12/2016 của Phòng Tài chính-KH về việc thông báo kế hoạch vốn đầu tư năm 2017;

Việc giao dự toán thu NSNN, chi NSDP được thực hiện kịp thời, đảm bảo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Sau khi HĐND phê chuẩn dự toán, UBND Thị xã đã ban hành Quyết định giao dự toán chi tiết cho các đơn vị dự toán cấp thị và ngân sách cấp xã.

## **1.2. Về nội dung giao thu NSNN, thu chi NSDP:**

+ Số giao dự toán:

- Thu NSNN trên địa bàn: 206.722 triệu đồng;

- Thu điều tiết Ngân sách cấp Thị: 173.642 triệu đồng;

*(Chi tiết tại biểu mẫu số 1)*

+ Số giao dự toán thu chi ngân sách cho đơn vị dự toán cấp thị và ngân sách cấp xã:

- Đơn vị dự toán cấp thị: 188.053 triệu đồng;

- Ngân sách cấp xã: 42.570 triệu đồng;

*(Chi tiết tại biểu mẫu số 2)*

Việc giao dự toán năm 2017 cho các đơn vị dự toán cấp thị và ngân sách cấp xã đã đảm bảo chi đủ các chế độ, chính sách theo định mức mới giai đoạn 2017-2020. Trên cơ sở số thu điều tiết và tình hình kinh tế-xã hội trên địa bàn để sắp xếp các nhiệm vụ chi phù hợp. Đây là năm đầu của giai đoạn mới, nhưng việc sắp xếp các nhiệm vụ chi trên cơ sở nguồn lực Ngân sách thị xã vẫn còn gặp không ít khó khăn, đặc biệt là trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, giáo dục- đào tạo, kiến thiết thị chính...

## **2. Về thực hiện cơ chế, chính sách:**

Thực hiện hướng dẫn của Sở Tài chính về việc thực hiện dự toán 2017, UBND thị xã chủ động huy động tiết kiệm thêm 10% để cải cách tiền lương và giữ lại tại Ngân sách Thị xã; đối với cấp xã giao tiết kiệm thêm 10% thực hiện cải cách tiền lương giữ tại Ngân sách cấp xã.

Việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và cơ chế tự chủ ở các đơn vị hành chính theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 7/10/2013 của Chính phủ: Tất cả các đơn vị dự toán cấp thị và các xã đều thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo đúng quy định.

Tình hình thực hiện bổ sung kinh phí có mục tiêu:

- Chính sách đối với trẻ em khuyết tật theo Thông tư 42: tổng kinh phí dự kiến là 77.696.000 đồng.

- Chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em 3-5 tuổi: tổng kinh phí dự kiến là 97.200.000 đồng.

- Kinh phí thực hiện Nghị định 136:

- Tình hình thực hiện chuyển nguồn từ năm 2016 sang năm 2017: UBND thị xã đã xác định nguồn và thực hiện chuyển nguồn sau ngày 15/02/2017.

### **3. Về báo cáo một số chỉ tiêu kinh tế-xã hội:**

- Về số học sinh thực tế, tính đến tháng 12/2016 số học sinh thực tế trên địa bàn là: 11.489 học sinh; Khối mầm non: 3.564 học sinh; Khối tiểu học: 4.469 học sinh; Khối THCS: 2.844 học sinh; Trung tâm giáo dục thường xuyên: 12 học sinh; Trung cấp nghề 600 học sinh.

- Tình hình thực hiện và rà soát hộ nghèo: Ngày 10/10/2016 UBND thị xã Bim Sơn đã ban hành kế hoạch số 2026/ KH-UBND về việc rà soát hộ nghèo, cận nghèo thị xã Bim Sơn năm 2016. Kết quả rà soát như sau: có 428 hộ nghèo đạt tỷ lệ 2,69% và 459 hộ cận nghèo nghèo đạt tỷ 2,89%.

- Tình hình rà soát thẻ BHYT: Thực hiện hướng dẫn liên ngành số 2835LN/LĐT BXH-TC-YT-BHXH ngày 10/12/2009 của Liên ngành Lao động TB&XH- Sở Tài Chính- Sở Y tế và BHXH tỉnh Thanh Hóa, UBND Thị xã Bim Sơn đã ký hợp đồng với BHXH thị xã Bim Sơn mua thẻ BHYT cho các đối tượng trên địa bàn. Năm 2016, thực hiện mua thẻ BHYT cho 18.503 đối tượng, tổng kinh phí thực hiện: 8.580 triệu đồng. Dự toán năm 2017 thực hiện mua thẻ BHYT cho 19.867 đối tượng, tổng kinh phí dự kiến: 9.331 triệu đồng.


- Đối tượng hiện hưởng chế độ bảo trợ xã hội theo Nghị định 136: năm 2016, tổng số đối tượng hưởng chế độ theo ND 136 là 1.693 người.

### **4. Về công khai dự toán Ngân sách:**

Thị xã Bim Sơn đã thực hiện công khai dự toán Ngân sách đúng nội dung, hình thức và thời gian công khai đảm bảo đúng quy định tại Quyết định 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 03/2005/TT-BTC ngày 06/01/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các cấp Ngân sách nhà nước và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính.

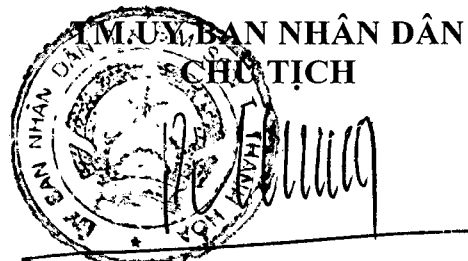
- Có 8/8 = 100% xã phường thực hiện công khai đúng quy định.

- Có 50/50 = 100% đơn vị dự toán cấp thị thực hiện công khai đúng quy định.

Trên đây là báo cáo của UBND thị xã Bim Sơn về tình hình giao dự toán thu NSNN, chi NSDP và công khai dự toán năm 2017 của Thị xã. 

#### **Nơi nhận:**

- Sở Tài chính Thanh Hóa;
- Lưu: VT, TCKH.



**Bùi Huy Hùng**

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NSNN, THU ĐIỀU TIẾT THỊ XÃ  
NĂM 2017**

(Kèm theo Báo cáo số 16 /BC-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2017)



Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	DT Tỉnh giao	DT Thị giao	CL Thị giao tăng thu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>Thu NSNN</b>				
	<b>Tổng số</b>	<b>174.680</b>	<b>206.722</b>	<b>32.042</b>	
<b>1</b>	<b>Cục thuế thu</b>	<b>44.110</b>	<b>44.110</b>	<b>0</b>	
<b>2</b>	<b>Thị xã thu</b>	<b>130.570</b>	<b>162.612</b>	<b>32.042</b>	
-	Doanh nghiệp nhà nước	150	150	0	
-	Thuế CTN ngoài Quốc doanh	54.800	54.800	0	
-	Thuế sử dụng đất Nông nghiệp			0	
-	Tiền Cấp quyền KTKS	8.500	8.500	0	
-	Thu tiền sử dụng đất	25.000	55.842	30.842	Chủ yếu từ Ghi thu ghi chi
	<i>Trong đó: Ghi thu ghi chi</i>		<i>28.600</i>		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.620	1.620	0	
-	Thu tiền thuê đất	3.000	3.000	0	
-	Lệ phí trước bạ	25.500	25.500	0	
-	Thu phí và lệ phí tính cân đối	2.202	2.202	0	
-	Phí BV MT sau KTKS	1.098	1.098	0	
-	Thuế thu nhập cá nhân	5.000	5.000	0	
-	Thu tại xã	2.700	2.700	0	
-	Thu khác ngân sách	1.000	2.200	1.200	Tăng từ thu khác tại xã
<b>B</b>	<b>Thu điều tiết Ngân sách cấp Thị</b>				
	<b>Tổng số</b>	<b>149.544</b>	<b>173.642</b>	<b>24.098</b>	
-	Thu tiền sử dụng đất	18.766	44.089		
-	Các khoản thu trừ tiền sử dụng đất	130.778	129.553		
<b>C</b>	<b>Tăng thu để CCTL (50%)</b>				

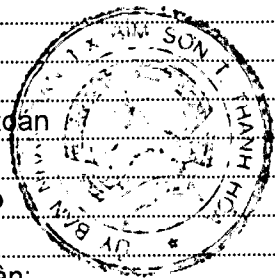

**TỔNG HỢP GIAO DỰ TOÁN CHI NS CẤP THỊ, CẤP XÃ NĂM 2017**

(Kèm theo Báo cáo số 1b /BC-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2017)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	DT Tỉnh giao	DT Thị giao			Chênh lệch	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			
				Thị xã	Xã phường		
1	2	3	4	5	6	7	8
<b>A</b>	<b>Dự toán chi NSĐP (chưa trừ TK 10%)</b>	<b>204.753</b>	<b>249.702</b>	<b>207.132</b>	<b>42.570</b>	<b>44.949</b>	
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư XD CB</b>	<b>18.766</b>	<b>73.026</b>	<b>59.464</b>	<b>13.562</b>	<b>54.260</b>	
<b>1</b>	<b>Từ nguồn thu tiền sử dụng đất</b>	<b>18.766</b>	<b>44.089</b>	<b>41.352</b>	<b>2.737</b>	<b>25.323</b>	
	Các công trình đã QT còn thiếu vốn						
	Các công trình đang hoàn thành			5.656			
	Các công trình mới bố trí			7.096			
<b>2</b>	<b>Từ nguồn chuyển nguồn NS năm trước</b>						
<b>3</b>	<b>Từ nguồn khác nếu có</b>		<b>28.937</b>	<b>18.112</b>	<b>10.825</b>	<b>28.937</b>	<i>ĐT từ nguồn phí BVMT, thu đóng góp, tiền thu CQKTKS</i>
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>182.586</b>	<b>173.275</b>	<b>145.111</b>	<b>28.163</b>	<b>(9.311)</b>	
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>	<b>21.671</b>	<b>18.970</b>	<b>18.650</b>	<b>320</b>	<b>(2.701)</b>	<i>Tiền thu CQKTKS của xã phường chuyển lên đầu tư</i>
<b>a</b>	Chi chế độ			1.530			
<b>b</b>	Chi các lĩnh vực kinh tế			17.120			
	Thủy lợi			1.080			
	Nông nghiệp			316			
	Lâm nghiệp			30			
	Giao thông			250			
	An toàn VSTP			100			

	Quy hoạch, chỉnh lý bản đồ, khoa học công nghệ			1.165			
	Quản lý, chỉnh trang đô thị và các chính sách khác			14.179			
<b>2</b>	<b>Chi SN môi trường</b>	<b>29.119</b>	<b>13.162</b>	<b>12.922</b>	<b>240</b>	<b>(15.957)</b>	<i>Phí BVMT sau KTKS chuyển lên đầu tư</i>
<b>3</b>	<b>Chi SN VH TT-TD TT-TTTT</b>	<b>1.764</b>	<b>9.357</b>	<b>9.162</b>	<b>195</b>	<b>7.593</b>	
-	Chi SN VH TT-TD TT-TTTT			1.120	195		
-	Ghi chi hoạt động di tích và các nhiệm vụ chi từ nguồn đóng góp			5.000			
-	Hỗ trợ GPMB đường N13 (chi từ nguồn thu đóng góp)			3.042			
<b>4</b>	<b>Chi SN PT-TH</b>	<b>1.029</b>	<b>1.029</b>	<b>942</b>	<b>87</b>	<b>0</b>	
<b>5</b>	<b>Chi SN y tế (mua thẻ BHYT)</b>	<b>7.211</b>	<b>7.211</b>	<b>7.211</b>		<b>0</b>	
<i>a</i>	<i>Đối tượng được NSNN đóng BHYT</i>			<i>11.088</i>	<i>11.088</i>		
-	Người nghèo			1.289	1.289		
-	DTTS sống ở vùng khó khăn						
-	Người sống ở vùng ĐBKK						
-	Người sống ở xã đảo						
-	Cựu chiến binh			270	270		
-	Người CC thuộc NSDP quản lý			480	480		
-	Trẻ em dưới 6 tuổi			7.877	7.877		
-	Người cao tuổi			432	432		
-	Đối tượng BTXH còn lại			740	740		
<i>b</i>	<i>Đối tượng NSNN hỗ trợ đóng BHYT</i>			<i>8.779</i>	<i>8.779</i>		
-	Người thuộc hộ cận nghèo						
	+ Theo QĐ 705			676	676		
	+ Theo QĐ 797			247	247		
-	Người thuộc hộ gia đình làm nông, lâm, ngư, diêm nghiệp có mức sống TB						
-	Học sinh sinh viên						
	+ Thuộc hộ cận nghèo			10	10		
	+ Không thuộc hộ cận nghèo			7.846	7.846		
<i>c</i>	<i>Nhu cầu kinh phí mua thẻ BHYT</i>						



c1	Cân đối KT-KP					
c2	Nhu cầu kinh phí		9.331	9.331		
c3	Tính đã tạm giao dự toán		7.211	7.211		
d	Thiếu, thừa		2.120	2.120		
6	<b>SN giáo dục đào tạo</b>	<b>67.603</b>	<b>67.603</b>	<b>67.123</b>	<b>480</b>	<b>0</b>
6.1	<b>Chi chế độ</b>		<b>59.778</b>	<b>59.778</b>		
-	Hệ số lương bình quân:					
	+ Khối mầm non:		2.66	2.66		
	+ Khối tiểu học:		3.96	3.96		
	+ Khối THCS:		4.35	4.35		
	+ Khối GDTX		4.11	4.11		
	+ Trung cấp nghề:		3.47	3.47		
-	Hệ số phụ cấp bình quân:					
	+ Khối mầm non:		1.39	1.39		
	+ Khối tiểu học:		2.59	2.59		
	+ Khối THCS:		2.47	2.47		
	+ Khối GDTX		2.12	2.12		
	+ Trung cấp nghề:		1.94	1.94		
-	Biên chế thực tế có mặt					
	+ Khối mầm non:		172	172		
	+ Khối tiểu học:		193	193		
	+ Khối THCS:		167	167		
	+ Khối GDTX		7	7		
	+ Trung cấp nghề:		11	11		
6.2	<b>Chi nghiệp vụ</b>		<b>6.577</b>	<b>6.577</b>		
	+ Khối mầm non:		1.215	1.215		
	+ Khối tiểu học:		1.467	1.467		
	+ Khối THCS:		1.419	1.419		
	+ Khối GDTX		77	77		
	+ Trung cấp nghề:		1.130	1.130		
6.3	<b>Chi bổ sung mục tiêu</b>		<b>332</b>	<b>332</b>		
-	Chính sách giáo dục (ăn trưa, khuyết tật)		182	182		
-	Đào tạo bồi dưỡng cán bộ		150	150		

<b>6.4</b>	<b>Chi khác</b>		<b>2.455</b>	<b>2.455</b>			
-	Kinh phí dự tính bổ sung dạy tăng tiết do thiếu giáo viên, kinh phí hỗ trợ bồi dưỡng học sinh giỏi						
<b>7</b>	<b>Đảm bảo xã hội</b>	<b>9.616</b>	<b>9.616</b>	<b>8.510</b>	<b>1.105</b>	<b>0</b>	
<b>7.1</b>	<b>Trợ cấp cho đối tượng BTXH</b>			<b>6.737</b>			
-	Số đối tượng						
-	Kinh phí						
<b>7.2</b>	<b>Kinh phí đảm bảo xã hội</b>			<b>1.773</b>			
-	Kinh phí nâng cấp phần mềm quản lý			30			
-	Về số người trên 60 tuổi						
<b>8</b>	<b>Chi hành chính</b>	<b>40.640</b>	<b>40.640</b>	<b>16.282</b>	<b>24.358</b>	<b>0</b>	
<b>9</b>	<b>Chi quốc phòng</b>	<b>1.902</b>	<b>1.902</b>	<b>1.808</b>	<b>94</b>	<b>0</b>	
<b>10</b>	<b>Chi an ninh</b>	<b>584</b>	<b>584</b>	<b>500</b>	<b>84</b>	<b>0</b>	
<b>11</b>	<b>Chi khác</b>	<b>1.445</b>	<b>3.200</b>	<b>2.000</b>	<b>1.200</b>	<b>1.755</b>	<i>CL do tính chi khác của xã phường và dự kiến nguồn tăng thu 2016 chuyển nguồn</i>
<b>III</b>	<b>Chi dự phòng ngân sách</b>	<b>3.401</b>	<b>3.401</b>	<b>2.556</b>	<b>845</b>	<b>0</b>	
<b>B</b>	<b>Tiết kiệm 10%</b>		<b>1.852</b>	<b>1.224</b>	<b>628</b>		